Ngày soạn: **Tiết 9: PHÉP TRỪ VÀ PHÉP CHIA**
Ngày dạy:

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:

1. Kiến thức:

– HS hiểu được khi nào thì kết quả của một phép trừ là một số tự nhiên.

– HS nắm được quan hệ giữa các số trong phép trừ, phép chia hết.

2.Kỹ năng: Rèn luyện cho HS kiến thức về phép trừ và phép chia để giải một vài bài toán thực tế.

3.Thái độ: Rèn luyện tính chính xác trong phát biểu và giải toán.

II. CHUẨN BỊ TÀI LIỆU-TBDH:

1. Chuẩn bị của thầy: Giáo án, sgk, phấn màu khi dùng tia số để tìm hiệu của hai số.

2. Chuẩn bị của trò: Vở ghi, SGK, dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1.Ổn định tổ chức:

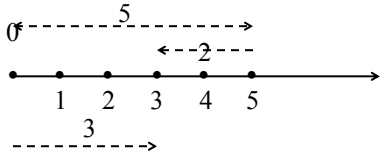
2.Kiểm tra bài cũ:

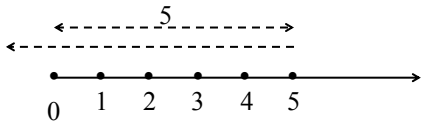
Tính nhanh 2.31.12 + 4.6.42 + 8.27.3

Giải: (2.12) 31 + (4.6). 42 + (8.3).27 = 24 (31 + 42 + 27) = 24 . 100 = 2400

3.Bài mới:

ĐVĐ: Phép cộng và phép nhân luôn thực hiện được trong tập hợp số tự nhiên. Còn phép trừ và phép chia?

Hoạt động của thầy -trò	Nội dung kiến thức cần đạt
Hoạt động 1: Phép trừ hai số tự nhiên GV: Để ghi phép trừ người ta dùng kí hiệu nào? GV: Các số a; b; c lần lượt được gọi là số gì ? GV: Hãy xét xem có số tự nhiên x nào mà: a) 2 + x = 5 hay không? b) 6 + x = 5 hay không? GV: cho hai số tự nhiên a và b, nếu có số tự nhiên x sao cho b + x thì ta luôn có phép trừ như thế nào với a và b? HS: lần lượt đặt các số từ 1 đến 5 GV: muốn trừ cho 2 em phải làm như	1. Phép trừ hai số tự nhiên Ta có : a – b = c *Cho 2 số tự nhiên a và b nếu có số tự nhiên x sao cho b + x = a thì ta có phép trừ a – b = x 

thế nào? GV: Bút chỉ điểm mấy? Kết quả? Hãy thực hiện tương tự 5 – 6 GV: Di chuyển bút như thế nào? Kết luận điều kiện gì? GV: Để phép trừ a – b thực hiện được trong tập hợp số tự nhiên thì phải có điều kiện gì của a đi với b?	Phép trừ 5 – 2 = 3  Phép trừ 5 – 6 = ?
GV cho HS giải bài **?1** Hỏi : Điều kiện để có hiệu a – b là . . . GV yêu cầu HS nhắc lại mối quan hệ giữa các số trong phép trừ GV nhấn mạnh: Số bị trừ lớn hơn hoặc bằng số trừ GV: Bây giờ ta xét phép chia các em đã được học phép chia nào ? ***Hoạt động 2:*** Phép chia hết và phép chia có dư GV : Xét xem số tự nhiên nào mà 3.x = 12 ? 5.x=12 Hỏi : với hai số tự nhiên a và b ; b ≠ 0 nếu có số tự nhiên x sao cho b.x = a thì ta nói như thế nào về hai số a và b ? các số a, b, x được gọi như thế nào ? GV cho HS làm bài **?2** điền vào chỗ trống HS lên bảng trình bày cách thực hiện. HS nhận xét và bổ sung thêm vào cách trình bày. GV: Thống nhất cách trình bày cho HS GV cho HS xét phép chia sau: 2 HS thực hiện phép chia trên GV: Với hai số a và b, b ≠ 0 hãy nêu mối quan hệ giữa chia cho b thương là q và số dư là r GV: So sánh số dư và số chia? GV: Khi số dư bằng 0 gọi là phép chia gì?	**?1** Điền vào ô trống Hướng dẫn a) a – a = 0; b) a – 0 = a c) Điều kiện để thực hiện phép trừ là số bị trừ lớn hơn hoặc bằng số trừ Đ K : a ≥ b 2. Phép chia hết và phép chia có dư : Cho hai số tự nhiên a và b; trong đó b ≠ 0 nếu có số tự nhiên x sao cho b.x = a thì ta nói a chia hết cho b và ta có phép chia hết. a : b = x (số bị chia) : (số chia) = (thương) **?2** Điền vào chỗ trống a) a : a = 1 (a ≠ 0) b) 0 : a = 0 (a ≠ 0) c) a : 1 = a xét phép chia sau: Phép chia hết **a = b. q + r** (0 ≤ r < b) +Nếu r = 0 thì ta có phép chia hết

4. Củng cố-Luyện tập:

– Điều kiện để có phép trừ là gì? Phép chia hết là gì

– Hướng dẫn HS làm bài tập 41 SGK.

5.Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

– Học sinh về nhà học bài và làm bài tập 43; 44; SGK

– Chuẩn bị bài phần phép chia có dư.